

VL, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Số: 132/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **99/2021/HNGĐ-ST** ngày **08 tháng 9 năm 2021** giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Vương Thị Thu N, sinh năm 1996.

**Bị đơn:** Anh Cao Quyết T, sinh năm 1996

HKTT: Thôn NL, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Cháu Cao Vương Ngọc A, sinh ngày 19/10/2015; Cháu Cao Tùng A, sinh ngày 28/4/2018. Cháu Ngọc A và cháu Tùng A là con của anh T và chị N. Người giám hộ cho cháu Ngọc A và cháu Tùng A là anh T và chị N.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **22 tháng 9 năm 2021**.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **22/9/2021** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **chị Vương Thị Thu N và anh Cao Quyết T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vương Thị Thu N và anh Cao Quyết T thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Chị Vương Thị Thu N và anh Cao Quyết T có 02 con chung là cháu Cao Vương Ngọc A, sinh 19/10/2015 và cháu Cao Tùng A, sinh ngày 28/4/2018. Chị Ngọc và anh Tiến thỏa thuận giao 02 cháu Ngọc A và cháu Tùng A cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

**Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức:** chị N và anh T đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000774 ngày 08 tháng 9 năm 2021, chị Ngọc đã nộp đủ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị N tự nguyện sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đường sự
- Viện kiểm sát huyện VL
- Chi cục THA huyện VL
- **UBND xã TQ**
- Lưu Hs vụ án

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thơm**